

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **389/2025/DS-PT**

Ngày 12/12/2025

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Minh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hồng, ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 325/2025/TLPT-DS, ngày 06 tháng 10 năm 2025, về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 394/2025/QĐXX-PT ngày 06 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 352/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1948; Địa chỉ: Số nhà A, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà A1, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Trần Nam T1, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số nhà A1, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Vắng mặt

3.2. Ông Nguyễn Huy L, sinh năm 1971 (đã chết); Địa chỉ: Số nhà A, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Huy L: Ông Nguyễn Huy Á, sinh năm 1925 và bà Trần Thị V, sinh năm 1936 (là cha mẹ ông L đều đã chết).

3.3 Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Huy L, đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1998; anh Nguyễn Huy C, sinh năm 1996 (là con đẻ); Chị Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2000 (là con dâu); Cùng địa chỉ: Số nhà A, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị L1: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà A, thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk); Có mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hoàng Thị Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, bà Hoàng Thị Y trình bày:

Năm 1993 bà Hoàng Thị Y được Xí nghiệp L2 (nay là Công ty C1) cấp cho 01 thửa đất có kích thước như sau: Phía Đông giáp đất ông P, bà T2 dài 07m; Phía Tây giáp Quốc lộ B dài 06m; Phía Nam giáp đất ông S, bà T3 dài 25m (đã trừ lộ giới); Phía Bắc giáp đất ông Á (nay là bà T sử dụng) dài 25m (đã trừ lộ giới), ranh giới phân định giữa đất bà Y với đất của ông Á khi bà Y được cấp đất là cọc cây cà phê (đất của ông Á có chiều rộng phía trước và phía sau đều là 5,8m). Đến năm 1995 thì bà Y xây dựng một căn nhà tạm và công trình phụ tại vị trí ở giữa thửa đất của mình. Đến năm 2002 thì bà Y được UBND huyện K (nay là huyện C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số U 033507, ngày 28/6/2002 đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 17, diện tích 150m² tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Đến ngày 16/3/2015 thì được UBND huyện C cấp đổi GCNQSDĐ số BN 028844 mang tên hộ bà Hoàng Thị Y đối với thửa đất có diện tích nêu trên.

Sau khi nhận đất thì vào khoảng năm 1998 - 1999 bà Y xây hàng rào bằng gạch ống làm ranh giới với đất của ông Á dài khoảng 25m ở phía trước, còn phía sau thì không làm hàng rào mà chỉ dùng cọc móc bằng cây cà phê của Xí nghiệp cà phê cắm, còn đoạn ở giữa thì bà Y xây nhà và cách ranh giới đất của ông Á điểm nhỏ nhất ở phía trước là 10cm, phía sau cùng 30cm vì đất có hình tam giác (nở hậu), khi ông Á sử dụng thì hai bên không có tranh chấp gì với bà Y. Sau đó ông Á chuyển nhượng cho bà T4 khi nào thì bà Y không biết, đến năm 2006 thì bà T4 chuyển nhượng cho bà T sử dụng thì bà T xây nhà và lấn sang đất của bà Y một diện tích đất có hình tam giác ở phía sau cùng là 30cm, phía trước 10cm. Năm 2008 bà Y có đập khoảng 10m hàng rào bằng gạch ở phía trước và xây nối thêm nhà ra phía trước thì có để trừ lại 10cm chiều rộng và chiều dài khoảng 10m. Sau khi làm xong nhà thì bà T có làm 03 cọc sắt và lợp tôn lên phần đất mà bà Y để trừ lại nên nước mưa mới đổ vào cửa sổ nhà bà Y thì bà Y có sang nhà nói chuyện với bà T và hai bên xảy ra tranh chấp với nhau, bà Y có yêu cầu UBND xã E giải quyết nhưng không thành. Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà T phải dỡ bỏ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại cho bà Y diện tích đất theo kết quả đo đạc là 5,7m² (đã trừ lộ giới quy hoạch giao thông 0,4m²) tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 17 thuộc thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Theo GCNQSDĐ mà bà Y được cấp thì đất của bà Y có chiều rộng phía trước là 06m, chiều rộng phía sau là 07m nhưng theo kết quả đo đạc thì không đủ nên bà Y khởi kiện yêu cầu bà T trả lại diện tích đất như trên.

2. Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Năm 2005 vợ chồng bà T và ông Nguyễn Huy L (đã chết năm 2015) nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1975 hiện trú tại thôn D, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thửa đất số 04, tờ bản đồ số 17 diện tích 145m² đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ cho bà T4, khi chuyển nhượng thì bà T4 có dẫn bà T đi

giao đất và xác định ranh giới với các hộ liền kề như sau: Phía Đông giáp đất ông P, bà T2 dài 6,4m, ranh giới là hàng rào lưới B40; Phía Tây giáp Quốc lộ B dài 5,8m, ranh giới là hàng rào lưới B40 và trụ cổng; Phía Nam giáp đất bà Y dài từ mép đường vào đến hết đất là khoảng 40m, ranh giới là đoạn hàng rào xây bằng gạch ống từ cổng vào dài khoảng hơn 20m, còn phía sau là tường nhà của bà Y; Phía Bắc giáp đất nhà ông S1 chiều dài khoảng 40m từ mép đường vào đến hết đất, ranh giới là hàng rào lưới B40 chân móng gạch từ trước ra sau. Vì lúc đó xung quanh của thửa đất đã có ranh giới rõ ràng nên chỉ có bà T4 với bà T tự xác định ranh giới với nhau chứ không có xác nhận của các hộ liền kề.

Khi nhận chuyển nhượng thì trên đất không có tài sản gì mà chỉ là đất trống, đến năm 2006 thì bà T tiến hành xây nhà và làm hàng rào trên đất thì xây dựng đúng trong ranh giới đất nhận chuyển nhượng từ bà T4 mà không có lấn chiếm ranh giới đất của ai kể cả bà Y.

Năm 2008 bà Y có đập một đoạn hàng rào gạch ở phía trước khoảng 10m và xây nối thêm nhà ra phía trước, lúc này thì bà Y có đào móng và lấn sang đất bà T có chỗ là 07cm, có chỗ là 05cm thì bà T có ý kiến với bà Y nhưng do bà Y đã lỡ xây rồi và vì tình làng nghĩa xóm nên bà T bỏ qua. Khi xây lên tường thì bà Y có xây thụt lại khoảng 02cm đến 03cm rồi hai bên sử dụng ổn định từ đó không có tranh chấp gì. Đến cuối năm 2023 thì bà Y sang nhà bà T để xin bà T cho xây thêm một bức tường ở trên đất của bà T để chắn cửa sổ nhà bà Y vì bị nước mưa chảy vào nhưng bà T không đồng ý nên bà Y mới tranh chấp và làm đơn khởi kiện. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y thì bà T không đồng ý vì bà T không lấn chiếm đất của bà Y.

3. Quá trình tham gia tố tụng, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1 Anh Trần Nam T1 trình bày:

Anh T1 là con trai của bà Hoàng Thị Y, vì lúc bà Y được cấp đất thì anh T1 đang còn nhỏ nên không có đóng góp gì vào việc tạo lập tài sản. Do đó, đối với việc tranh chấp và khởi kiện giữa bà Y với bà T thì anh T1 không có ý kiến gì mà ủy quyền cho bà Y trực tiếp giải quyết cho đến khi vụ án kết thúc, mọi ý kiến và quyết định của bà Y cũng là ý kiến và quyết định của anh T1. Do bận công việc nên anh T1 yêu cầu tòa án giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt anh.

3.2 Anh Nguyễn Huy C trình bày:

Anh C là con của ông Nguyễn Huy L (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết. Về nguồn gốc thửa đất số 04, tờ bản đồ 17 tại thôn G, xã E, huyện C của gia đình là do bố mẹ nhận chuyển nhượng của người khác từ năm 2005, lúc đó anh C đang còn nhỏ và sống phụ thuộc vào bố mẹ nên không có công sức đóng góp gì vào việc tạo lập nên tài sản đó. Trước đây khi ông L còn sống thì cả gia đình sinh sống trên thửa đất đó, đến năm 2015 ông L chết thì thửa đất do anh C và bà T ở quản lý và sử dụng cho đến nay. Ngoài ra, còn có vợ của anh C là chị Nguyễn Thị Như Ý hiện cũng đang sinh sống trên thửa đất này. Đối với việc tranh chấp và khởi kiện của bà Y thì anh C không có ý kiến gì mà ủy quyền cho bà T trực tiếp tham gia tố tụng và giải quyết tại các cấp tòa án cho đến khi vụ án kết thúc, mọi ý kiến và quyết định của bà T đối với việc tranh chấp cũng là ý kiến và quyết định của anh C, anh C không bổ sung gì thêm khác. Do bận công việc nên anh C xin từ chối tham gia tố tụng tại tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

3.3 Chị Nguyễn Thị Như Ý trình bày:

Chị Ý là vợ của anh C, chị Ý kết hôn với anh C năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E. Về nguồn gốc thửa đất số 04, tờ bản đồ 17 tại thôn G, xã E, huyện C là của gia đình nhà chồng, sau khi kết hôn với anh C thì chị Ý về nhà chồng và ở trên thửa đất này nên chị Ý không có công sức đóng góp gì vào thửa đất nêu trên. Do đó, đối với việc tranh chấp và khởi kiện của bà Y thì chị Ý không có ý kiến gì mà ủy quyền cho mẹ chồng là bà T trực tiếp tham gia tố tụng và giải quyết tại các cấp tòa án cho đến khi vụ án kết thúc, mọi ý kiến và quyết định của bà T đối với việc tranh chấp cũng là ý kiến và quyết định của chị, chị Ý không bổ sung gì thêm khác. Do bận công việc nên chị Ý xin từ chối tham gia tố tụng tại tòa án và yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 165, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 15, 17, 26, 235, 236 Luật đất đai năm 2024; Điều 175 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Y về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải dỡ bỏ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại cho bà Hoàng Thị Y diện tích đất 5,7m² tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/5/2025, nguyên đơn bà Hoàng Thị Y kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk), đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Hoàng Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị đơn bà T giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận các đương sự tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Y là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Hoàng Thị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Y nộp đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và phiên tòa được mở lại lần thứ 2, các đương sự đã được tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Y, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thấy rằng:

[2.1] Ranh giới đất giữa gia đình bà Hoàng Thị Y và bà Nguyễn Thị T sử dụng ổn định từ năm 2006 đến năm 2023 thì phát sinh tranh chấp. Bà Y cho rằng thửa đất gia đình bà sử dụng có kích thước như sau: Phía Đông giáp đất ông P, bà T2 dài 07m; Phía Tây giáp Quốc lộ B dài 06m; Phía Nam giáp đất ông S, bà T3 dài 25m (đã trừ lộ giới); Phía Bắc giáp đất ông Á (nay là bà T sử dụng) dài 25m (đã trừ lộ giới), ranh giới phân định giữa đất bà Y với đất của ông Á khi bà Y được cấp đất là cọc cây cà phê (đất của ông Á có chiều rộng phía trước và phía sau đều là 5,8m) theo GCNQSDĐ số BN 028844 do UBND huyện C cấp ngày 16/3/2015 cho gia đình bà.

Tuy nhiên, xét các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Y và hộ bà T đều không xác định số đo các cạnh thửa đất, quá trình giải quyết vụ kiện bà Y không cung cấp được tài liệu chứng cứ về số đo các cạnh thửa đất như bà trình bày. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền lưu trữ cung cấp các tài liệu liên quan đến số đo các cạnh thửa đất tranh chấp nhưng các cơ quan lưu trữ xác định không có tài liệu nào có liên quan đến số đo các cạnh dài của các thửa đất đang tranh chấp (Bút lục số 85).

[2.2] Theo kết quả Trích đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Đ thực hiện, có sự dẫn đạc của bà Y thì thấy rằng, đối với cạnh dài phía tây bà Y xác định là 06 m thì kết quả đo đạc là 6,05 m, đối với cạnh phía đông bà Y xác định là dài 7 m, theo kết quả đo đạc là 6,84 m. Như đã nhận định ở trên, việc bà Y xác định cạnh dài phía đông là 7m, tuy nhiên bà Y không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện số liệu này. Ngoài ra, theo kết quả đo đạc xác định được phần diện tích của gia đình bà Y đang sử dụng là 164,4 m² lớn hơn so với diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 150m² (tăng 14,4 m²). Do đó, việc bà Y căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp để làm căn cứ khởi kiện là không có cơ sở.

Xét việc bà Y cho rằng ranh giới phân định giữa đất bà Y với đất của ông Á khi bà Y được cấp đất là cọc cây cà phê (đất của ông Á có chiều rộng phía trước và phía sau đều là 5,8m). Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và kết quả Trích đo đạc hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH Đ thì ranh giới đất hiện nay là bức tường xây bằng gạch ống do bà Y xây dựng từ trước đó và phần tường rào bà T xây dựng từ năm 2006, hiện nay ranh giới phân định giữa hai thửa đất là tường rào cố định do hai bên xây dựng chứ không còn cọc cây cà phê như ý kiến bà Y trình bày. Việc bà Y xác định chiều dài và chiều rộng phần đất của ông

Á trước sau đều là 5,8 m thì đây chỉ là ý kiến trình bày không có cơ sở xác định và không được bà T đồng ý. Hơn nữa, tại biên bản hòa giải tranh chấp đất đai của Ủy ban nhân dân xã E (các Bút lục số 08,09) ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị T4 là chủ sử dụng đất trước khi chuyển nhượng đất cho gia đình bà T xác nhận nội dung thửa đất bà chuyển nhượng đất cho bà T thì ranh giới sử dụng đất như hiện nay.

[3] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc buộc bà T phải dỡ bỏ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại cho bà Y diện tích đất theo kết quả đo đạc là 5,7m² (đã trừ lộ giới quy hoạch giao thông 0,4m²) tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 17 thuộc thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Y, cần giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đắk Lắk).

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do nguyên đơn bà Hoàng Thị Y thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn nên miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Y theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Y, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2025/DS-ST ngày 15/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Đắk Lắk).

Áp dụng Điều 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 23,25,26, 235 và 236 Luật đất đai năm 2024; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Y về việc: Buộc bà Nguyễn Thị T phải dỡ bỏ công trình trên đất lấn chiếm để trả lại cho bà Y diện tích đất là 5,7m² (đã trừ lộ giới quy hoạch giao thông 0,4m², theo kết quả đo đạc của Công ty TNHH Đ) tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 17 thuộc thôn G, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).

[2]. Về chi phí tố tụng: Bà Hoàng Thị Y phải chịu 6.970.000 đồng (*Sáu triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà bà Y đã nộp và chi phí xong tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Đắk Lắk).

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Nguyên đơn bà Hoàng Thị Y và bị đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TAND Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Ngọc Minh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Hằng

Nguyễn Văn Hồng

Lê Văn Minh

Nơi nhận:

- Tòa PT TAND tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 5 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 5 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Minh

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TAND
tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hồng